

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 18/7/2019 và bản tự khai, nguyên đơn anh Trần Đỗ M trình bày: Anh và chị H kết hôn với nhau vào ngày 02/01/2009, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Nga A cấp đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không đồng quan điểm, thường xảy ra cãi vã, nhiều xung đột. Anh và chị H sống ly thân nhau từ ngày 07/03/2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh và chị H không quan tâm gì đến nhau. Xét thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì, anh M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị H theo quy định. Về con: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Duy L, sinh ngày 19/9/2009, Trần Thị Anh Th, sinh ngày 04/3/2013 và Trần Thị Anh T, sinh ngày 26/7/2016. Hiện tại cháu L và cháu T đang ở cùng anh, cháu Th ở cùng chị H. Sau ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi 2 cháu L và cháu T, giao cháu Th cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng,

không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Mai Thị H, tại bản tự khai ngày 31/7/2019 chị trình bày: Về ngày tháng năm kết hôn, cơ sở của việc kết hôn chị thống nhất như ý kiến anh M. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống anh M thường xuyên cờ bạc, rượu chè, chơi bời quá đà. Khi trở về nhà anh còn đánh đập chị nhiều lần. Dù đã được chị và gia đình khuyên răn nhiều, nhưng anh M vẫn không có sự thay đổi. Anh còn nghi ngờ chị có quan hệ với người đàn ông khác nên hay gây sự cãi vã, chửi bới lẫn nhau. Nhiều lần anh đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã phải về nhà mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng chính thức sống ly thân nhau từ ngày 04/5/2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân giữa chị và anh M không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh M đề nghị ly hôn, chị xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục duy trì, chị đồng ý ly hôn với anh M. Về con: vợ chồng có 3 con chung như anh M đã trình bày. Sau ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả 3 cháu, anh M phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, mức cấp dưỡng chị đề nghị theo quy định của pháp luật. Về tài sản chị không có yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị H vắng mặt nên việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chỉ tiến hành đối với nguyên đơn, đồng thời Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, anh M vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn chị H theo quy định của pháp luật; về con anh đề nghị được nuôi 2 cháu L và T; giao cháu Th cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với bị đơn chị H đồng ý ly hôn anh M; về con chị đề nghị nuôi cả 3 con, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con cùng chị mức cấp dưỡng 500.000đ/1 cháu/ tháng (3 cháu= 1.500.000đ/tháng); về tài sản chị không có đề nghị Tòa xem xét giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đỗ M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của các đương tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Anh Trần Đỗ M và chị Mai Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Theo các đương sự trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, sống không có tình cảm, thường xảy ra cãi vã, đánh đập nhau. Anh M nghi ngờ chị có quan hệ với người đàn ông khác, còn chị H cho rằng vì anh chơi bời, rượu chè nên vợ chồng luôn xảy ra bất hòa. Vợ chồng đã sống ly thân nhau, trong thời gian sống ly thân các bên không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Anh M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chị H hoàn toàn nhất trí. Xét cuộc sống chung của anh M và chị H đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể duy trì được, anh Trần Đỗ M và chị Mai Thị H thuận tình ly hôn nên được chấp nhận xem xét.

[2] Về con: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Duy L, sinh ngày 19/9/2009, Trần Thị Anh Th, sinh ngày 04/3/2013 và Trần Thị Anh T, sinh ngày 26/7/2016. Hiện tại cháu L và cháu T đang ở cùng anh, cháu Th ở cùng chị H. Sau ly hôn, anh M đề nghị được trực tiếp nuôi 2 cháu L và cháu T, giao cháu Th cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với chị H đề nghị nuôi 3 con, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 500.000đ/1 cháu/ tháng (3 cháu là 1.500.000đ/ tháng).

Xét đề nghị xin được nuôi con của các đương sự là chính đáng, các bên đều là lao động tự do, có thu nhập từ công việc của mình. Tuy nhiên, các cháu L, T hiện tại đều đang ở ổn định cùng anh M, cháu Th đang ở ổn định cùng chị H. Để các cháu ổn định cuộc sống và cần sự chăm sóc của các cháu về mọi mặt nên giao 2 cháu L, T cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Th cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh M không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Do đó các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Sau ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Anh Trần Đỗ M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đỗ M và chị Mai Thị H.

2. Về con: Giao cháu Trần Duy L, sinh ngày 19/9/2009 và Trần Thị Anh T, sinh ngày 26/7/2016 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Thị Anh Th, sinh ngày 04/3/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh M, chị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Đỗ M phải chịu án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2018/0005889 ngày 18/7/2019 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn, anh M đã nộp đủ án phí DSST.

Bản án này là sơ thẩm. Anh M, chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huệ